ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập –Tự do – Hạnh phúc

Bảng 1
CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH ĐỐI VỚI CƠ QUAN CHUYÊN MÔN THUỘC UBND TỈNH, CÁC ĐƠN VỊ NGÀNH DỌC ĐÓNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1102 /QĐ-UBND ngày 11/6/2013 của UBND tỉnh)

STT	NỘI DUNG	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Điểm đạt được	Chỉ số	Ghi chú
			Tự đánh giá	Điều tra XXH	Thẩm định			
1.	**Chỉ đạo, điều hành công tác cải cách hành chính**	**17.5**						
1.1	**Kế hoạch cải cách hành chính năm**	**4.5**						
1.1.1	Ban hành Kế hoạch công tác cải cách hành chính năm kịp thời (trong Quý IV năm trước liền kề năm kế hoạch) a) Ban hành kịp thời (0.5) b) Ban hành không kịp thời (0.25) c) Không ban hành (0)	0.5						
1.1.2	Xác định nhiệm vụ CCHC trên các lĩnh vực theo Chương trình CCHC của Chính phủ, tỉnh và bố trí kinh phí triển khai a) Xác định đầy đủ các nhiệm vụ và bố trí kinh phí (1) b) Không xác định đầy đủ các nhiệm vụ hoặc không bố trí kinh phí (0)	1						
1.1.3	Các kết quả được xác định rõ ràng, cụ thể và thẩm định rõ trách nhiệm triển khai của cơ quan, tổ chức a) Đạt yêu cầu (1) b) Không đạt yêu cầu (0)	1						
1.1.4	Mức độ thực hiện kế hoạch CCHC a) Thực hiện trên 80% kế hoạch (2) b) Thực hiện từ 70% đến 80% kế hoạch (1.5) c) Thực hiện từ 50% đến dưới 70% kế hoạch (1)	2						

	d) Thực hiện dưới 50% kế hoạch (0)							
1.2	**Báo cáo CCHC**	**2**						
1.2.1	Số lượng báo cáo (2 báo cáo quý, báo cáo 6 tháng và báo cáo năm) a) Đủ số lượng báo cáo (0.5) b) Không đủ số lượng báo cáo (0)	0.5						
1.2.2	Thời gian gửi báo cáo (Báo cáo quý gửi trước ngày 08 tháng cuối cùng của quý, báo cáo 6 tháng gửi trước ngày 08 tháng 6 hàng năm và báo cáo năm gửi trước ngày 03/12 hàng năm) a) 100% báo cáo gửi đúng thời gian quy định (0.5) b) Dưới 100% báo cáo gửi không đúng thời gian quy định hoặc không gửi báo cáo (0)	0.5						
1.2.3	Nội dung báo cáo bám sát đề cương hướng dẫn a) Đạt yêu cầu (1) b) Không đạt yêu cầu (0)	1						
1.3	**Kiểm tra công tác CCHC**	**2.5**						
1.3.1	Kế hoạch kiểm tra CCHC (có kế hoạch kiểm tra riêng hoặc trong kế hoạch CCHC năm) a) Có kế hoạch kiểm tra trên 30% phòng chuyên môn , đơn vị trực thuộc. (0.5) b) Có kế hoạch kiểm tra từ 20% đến 30% phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc. (0.25) c) Có kế hoạch kiểm tra dưới 20% phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc hoặc không có kế hoạch kiểm tra CCHC (0)	0.5						
1.3.2	Mức độ thực hiện kế hoạch kiểm tra a) Thực hiện trên 80% kế hoạch (1) b) Thực hiện từ 70% đến 80% kế hoạch (0.75) c) Thực hiện từ 50% đến dưới 70% kế hoạch (0.5) d) Thực hiện dưới 50% kế hoạch (0)	1						
1.3.3	Xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra a) 100% vấn đề phát hiện qua kiểm tra đều được xử lý hoặc kiến nghị xử lý (1)	1						

	b) Từ 70% - dưới 100% vấn đề phát hiện qua kiểm tra được xử lý hoặc kiến nghị xử lý (0.75) c) Từ 50% - dưới 70% vấn đề phát hiện qua kiểm tra được xử lý hoặc kiến nghị xử lý (0.25) d) Dưới 50% vấn đề phát hiện qua kiểm tra được xử lý, kiến nghị xử lý hoặc không xử lý, không kiến nghị xử lý (0)							
1.4	**Công tác tuyên truyền CCHC**	**2.5**						
1.4.1	Kế hoạch tuyên truyền CCHC (có kế hoạch tuyên truyền riêng hoặc trong kế hoạch CCHC năm) a) Có kế hoạch (0.5) b) Không có kế hoạch (0)	0.5						
1.4.2	Mức độ thực hiện kế hoạch tuyên truyền a) Thực hiện trên 80% kế hoạch (1) b) Thực hiện từ 70% đến 80% kế hoạch (0.75) c) Thực hiện từ 50% đến dưới 70% kế hoạch (0.5) d) Thực hiện dưới 50% kế hoạch (0)	1						
1.4.3	Tác động của tuyên truyền cải cách hành chính đến nâng cao nhận thức của cán bộ, công chức, viên chức.	1						ĐT XHH
1.5	**Sự năng động trong chỉ đạo, điều hành CCHC**	**2**						
1.5.1	Gắn kết quả thực hiện CCHC với công tác thi đua, khen thưởng a) Có thực hiện (1) b) Không thực hiện (0)	1						
1.5.2	Sáng kiến trong CCHC (Tổ chức hội thi, cuộc thi tìm hiểu, hội thảo, sinh hoạt chuyên đề hoặc áp dụng các mô hình quản lý mới, cách làm đột phá trong cải cách hành chính được dư luận đánh giá cao…) a) Có sáng kiến (1) b) Không có sáng kiến (0)	1						
1.6	**Kết quả chỉ đạo, điều hành CCHC**	**4**						
1.6.1	Chất lượng văn bản chỉ đạo, điều hành CCHC	1						ĐT XHH

1.6.2	Tính kịp thời của các văn bản chỉ đạo, điều hành CCHC a) Kịp thời (1) b) Chưa kịp thời (0)	1						ĐT XHH
1.6.3	Bố trí nguồn lực cho công tác CCHC (nhân lực, tài chính…) a) Bố trí đầy đủ (1) b) Đã bố trí nhưng chưa đầy đủ (0.5) c) Chưa bố trí (0)	1						
1.6.4	Công tác chỉ đạo, đôn đốc thực hiện các nhiệm vụ CCHC a) Có chỉ đạo, đôn đốc (1) b) Không chỉ đạo, đôn đốc (0)	1						ĐT XHH
2	**Xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật**	**11**						
2.1	**Xây dựng văn bản quy phạm pháp luật**	**2**						
2.1.1	Tham mưu xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo Kế hoạch ban hành văn bản quy phạm pháp luật của UBND tỉnh a) Thực hiện trên 80% kế hoạch do đơn vị tham mưu. (1) b) Thực hiện từ 70% đến 80% kế hoạch do đơn vị tham mưu. (0.75) c) Thực hiện từ 50% đến dưới 70% kế hoạch do đơn vị tham mưu. (0.5) d) Thực hiện dưới 50% kế hoạch do đơn vị tham mưu. (0)	1						
2.1.2	Thực hiện quy trình xây dựng VBQPPL a) Đúng quy định (1) b) Không đúng quy định (0)	1						
2.2	**Rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật**	**2.5**						
2.2.1	Ban hành kế hoạch rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật a) Ban hành kịp thời (0.5) b) Ban hành không kịp thời (0.25) c) Không ban hành (0)	0.5						

2.2.2	Mức độ hoàn thành kế hoạch rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật a) Hoàn thành kế hoạch (1) b) Không hoàn thành kế hoạch (0)	1						
2.2.3	Xử lý kết quả rà soát a) Thực hiện đúng quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Tư pháp (1) b) Không thực hiện đúng quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Tư pháp (0)	1						
2.3	**Tổ chức và kiểm tra việc thực hiện VBQPPL do Trung ương và tỉnh ban hành có liên quan đến chức năng quản lý của đơn vị**	**3.5**						
2.3.1	Tổ chức triển khai thực hiện văn bản quy phạm pháp luật do Trung ương và tỉnh ban hành a) Trên 80% số VBQPPL được triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời và đúng quy định (1) b) Từ 70% - 80% số VBQPPL được triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời và đúng quy định. (0.75) c) Từ 50% - dưới 70% số VBQPPL được triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời và đúng quy định. (0.5) d) Dưới 50% số VBQPPL được triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời và đúng quy định. (0)	1						
2.3.2	Ban hành kế hoạch kiểm tra việc thực hiện văn bản quy phạm pháp luật a) Ban hành kịp thời (0.5) b) Ban hành không kịp thời (0.25) c) Không ban hành (0)	0.5						
2.3.3	Mức độ thực hiện kế hoạch kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật a) Thực hiện trên 80% kế hoạch (1) b) Thực hiện từ 70% đến 80% kế hoạch (0.75) c) Thực hiện từ 50% đến dưới 70% kế hoạch (0.5) d) Thực hiện dưới 50% kế hoạch (0)	1						

2.3.4	Xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra a) 100% vấn đề phát hiện qua kiểm tra đều được xử lý hoặc kiến nghị xử lý. (1) b) Từ 70% - dưới 100% vấn đề phát hiện qua kiểm tra được xử lý hoặc kiến nghị xử lý (0.75) c) Từ 50% - dưới 70% vấn đề phát hiện qua kiểm tra được xử lý hoặc kiến nghị xử lý (0.25) d) Dưới 50% vấn đề phát hiện qua kiểm tra được xử lý, kiến nghị xử lý hoặc không xử lý, không kiến nghị xử lý (0)	1						
2.4	**Thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật thuộc phạm vi quản lý của đơn vị**	**3**						
2.4.1	Ban hành kế hoạch tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật a) Ban hành kịp thời (1) b) Ban hành không kịp thời (0.5) c) Không ban hành (0)	1						
2.4.2	Mức độ thực hiện kế hoạch a) Thực hiện trên 80% kế hoạch (1) b) Thực hiện từ 70% đến 80% kế hoạch (0.75) c) Thực hiện từ 50% đến dưới 70% kế hoạch (0.25) d) Thực hiện dưới 50% kế hoạch (0)	1						
2.4.3	Các hình thức tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật a) Có 3 hình thức trở lên (1) b) Có 2 hình thức (0.75) c) Có 1 hình thức (0.5) d) Không có hình thức nào (0)	1						
3	**Cải cách thủ tục hành chính**	**14**						
3.1	**Rà soát, đánh giá, cập nhật thủ tục hành chính theo quy định**	**6**						
3.1.1	Ban hành kế hoạch kiểm soát TTHC a) Ban hành kịp thời (0.5)	0.5						

	b) Ban hành kế hoạch không kịp thời (0.25) c) Không ban hành (0)							
3.1.2	Mức độ thực hiện kế hoạch kiểm soát TTHC a) Thực hiện trên 80% kế hoạch (1) b) Thực hiện từ 70% - 80% kế hoạch (0.75) c) Thực hiện từ 50% - dưới 70% kế hoạch (0.5) d) Thực hiện dưới 50% kế hoạch (0)	1						
3.1.3	Xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm soát a) Đề nghị cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ TTHC và các quy định có liên quan theo quy định của Chính phủ (2) b) Không có đề nghị cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ TTHC và các quy định có liên quan theo quy định của Chính phủ (0)	2						
3.1.4	Đề nghị cấp thẩm quyền cập nhật, công bố TTHC theo quy định của Chính phủ a) Có đề nghị cập nhật, công bố đầy đủ, kịp thời TTHC và các quy định có liên quan (1) b) Không có đề nghị cập nhật, công bố hoặc có đề nghị nhưng không đầy đủ, không kịp thời (0)	1						
3.1.5	Thực hiện việc tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết a) Có thực hiện (0.5) b) Không thực hiện (0)	0.5						
3.1.6	Xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết a) 100% vấn đề phát hiện qua kiểm tra đều được xử lý hoặc kiến nghị xử lý. (1) b) Từ 70% - dưới 100% vấn đề phát hiện qua kiểm tra được xử lý hoặc kiến nghị xử lý (0.75) c) Từ 50% - dưới 70% vấn đề phát hiện qua kiểm tra được xử lý hoặc kiến nghị xử lý (0.25) d) Dưới 50% vấn đề phát hiện qua kiểm tra được xử lý,	1						

	kiến nghị xử lý hoặc không xử lý, không kiến nghị xử lý (0)							
3.2	**Công khai các thủ tục hành chính**	**2**						
3.2.1	Niêm yết công khai TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết tại trụ sở đơn vị a) Niêm yết công khai đầy đủ 100% TTHC (1) b) Không niêm yết hoặc niêm yết công khai không đầy đủ (0)	1						
3.2.2	Tỷ lệ TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết được công khai đầy đủ, đúng quy định trên Trang Thông tin điện tử (Website) a) Trên 80% số TTHC (1) b) Từ 70% - 80% số TTHC (0.75) c) Từ 50% – dưới 70% số TTHC (0.5) d) Dưới 50% số TTHC (0)	1						
3.3	**Chất lượng TTHC thuộc phạm vi quản lý của đơn vị**	**6**						
3.3.1	Sự cần thiết của thủ tục hành chính a) 100% thủ tục hành chính cần thiết (2) b) Từ 70% - dưới 100% thủ tục hành chính cần thiết (1) c) Từ 50% - dưới 70% thủ tục hành chính cần thiết (0.5) d) Dưới 50% thủ tục hành chính cần thiết (0)	2						ĐT XHH
3.3.2	Tính hợp lý của thủ tục hành chính a) 100% thủ tục hành chính hợp lý (2) b) Từ 70% - dưới 100% thủ tục hành chính hợp lý (1) c) Từ 50% - dưới 70% thủ tục hành chính hợp lý (0.5) d) Dưới 50% thủ tục hành chính hợp lý (0)	2						ĐT XHH
3.3.3	Mức độ thuận tiện trong thực hiện TTHC a) 100% thủ tục hành chính thuận tiện (2) b) Từ 70% - dưới 100% thủ tục hành chính thuận tiện (1) c) Từ 50% - dưới 70% thủ tục hành chính thuận tiện (0.5) d) Dưới 50% thủ tục hành chính thuận tiện (0)	2						ĐT XHH
4	**Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước**	**20**						

4.1	**Thực hiện quy định của Trung ương và của tỉnh trong cải cách tổ chức bộ máy** a) Thực hiện đầy đủ và kịp thời (1) b) Thực hiện đầy đủ nhưng chưa kịp thời (0.5) c) Thực hiện chưa đầy đủ (0)	**1**						
4.2	**Thực hiện chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị**	**4**						
4.2.1	Kết quả thực hiện chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị a) Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ (2) b) Hoàn thành tốt nhiệm vụ (1.5) c) Hoàn thành nhiệm vụ (1) d) Không hoàn thành nhiệm vụ (0)	2						
4.2.2	Kết quả thực hiện chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trực thuộc a) Trên 80% đơn vị trực thuộc hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và không có đơn vị không hoàn thành nhiệm vụ. (2) b) Từ 70% – 80% đơn vị trực thuộc hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và không có đơn vị không hoàn thành nhiệm vụ (1.5) c) Từ 50% - dưới 70% đơn vị trực thuộc hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và không có đơn vị không hoàn thành nhiệm vụ (1) d) Dưới 50% đơn vị trực thuộc hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và không có đơn vị không hoàn thành nhiệm vụ (0)	2						
4.3	**Thực hiện phân cấp quản lý**	**4**						
4.3.1	Thực hiện các quy định về phân cấp quản lý a) Thực hiện đầy đủ (1) b) Không thực hiện đầy đủ (0)	1						
4.3.2	Thực hiện kiểm tra, đánh giá định kỳ đối với các nhiệm vụ đã phân cấp cho cấp huyện và các đơn vị trực thuộc a) Có thực hiện (1) b) Không thực hiện (0)	1						

4.3.3	Xử lý các vấn đề về phân cấp phát hiện qua kiểm tra a) 100% vấn đề phát hiện qua kiểm tra đều được xử lý hoặc kiến nghị xử lý. (1) b) Từ 70% - dưới 100% vấn đề phát hiện qua kiểm tra được xử lý hoặc kiến nghị xử lý (0.75) c) Từ 50% - dưới 70% vấn đề phát hiện qua kiểm tra được xử lý hoặc kiến nghị xử lý (0.25) d) Dưới 50% vấn đề phát hiện qua kiểm tra được xử lý, kiến nghị xử lý hoặc không xử lý, không kiến nghị xử lý (0)	1						
4.3.4	Ban hành và thực hiện quy chế phối hợp giữa các cơ quan để thực hiện nhiệm vụ có tính chất liên ngành a) Ban hành và thực hiện đầy đủ các quy định của quy chế phối hợp để thực hiện nhiệm vụ có tính chất liên ngành (1) b) Ban hành và thực hiện chưa đầy đủ (0.5) c) Chưa ban hành	1						
4.4	**Thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông**	**11**						
4.4.1	Đề án cải cách hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông a) Đề án được UBND tỉnh phê duyệt và triển khai thực hiện. (1) b) Chưa xây dựng Đề án (0)	1						
4.4.2	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông hiện đại tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả a) Đã thực hiện (1) b) Chưa thực hiện (0)	1						
4.4.3	Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết theo cơ chế một cửa a) Trên 80% số lượng TTHC (1.5) b) Từ 70% - 80% số lượng TTHC (1) c) Từ 50% - dưới 70% số lượng TTHC (0.5) d) Dưới 50% số lượng TTHC (0)	1.5						

4.4.4	Tổ chức Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả a) Bố trí công chức chuyên trách tiếp nhận hồ sơ và thực hiện quy định trang phục công chức Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả (1) b) Chưa bố trí công chức chuyên trách tiếp nhận hồ sơ hoặc không thực hiện quy định trang phục công chức Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả (0)	1						
4.4.5	Bố trí địa điểm tiếp nhận hồ sơ a) Bảo đảm đủ diện tích theo quy định (1) b) Chưa bảo đảm đủ diện tích theo quy định (0)	1						
4.4.6	Bố trí trang thiết bị và điều kiện làm việc cho Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả a) Bảo đảm (1) b) Chưa bảo đảm (0)	1						
4.4.7	Cập nhật thông tin các loại sổ (hoặc phần mềm) theo dõi, quản lý hồ sơ tiếp nhận và giải quyết tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả . a) Đầy đủ, kịp thời và chính xác (1) b) Không được đầy đủ, kịp thời và chính xác. (0)	1						
4.4.8	Tỷ lệ hồ sơ được giải quyết đúng và sớm hẹn (có thể kiểm tra xác suất 01 tháng bất kỳ, thời điểm do các Đoàn hoặc Tổ kiểm tra cải cách hành chính xác định). a) Từ 90% - 100% hồ sơ (1.5) b) Từ 80-dưới 90% hồ sơ. (1) c) Từ 60- dưới 80% hồ sơ. (0.5) d) Dưới 60% hồ sơ. (0)	1.5						
4.4.9	Mức độ hài lòng của người dân về chất lượng dịch vụ của bộ phận một cửa a) Trên 80% số người được hỏi, hài lòng (2) b) Từ 65% - 80% số người được hỏi hài lòng (1.5) c) Từ 50% - dưới 65% số người được hỏi hài lòng (1) d) Dưới 50% số người được hỏi hài lòng (0)	2						ĐT XHH
5	**Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công**	**13.5**						

	chức, viên chức							
5.1	**Xác định cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm**	**3**						
5.1.1	Cơ quan, đơn vị có cơ cấu công chức theo vị trí việc làm được phê duyệt a) Có (1) b) Không (0)	1						
5.1.2	Tỷ lệ đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc có cơ cấu viên chức theo vị trí việc làm được phê duyệt a) Trên 60% số đơn vị (1) b) Từ 30% - 60% số đơn vị (0.75) c) Từ 20% - dưới 30% số đơn vị (0.5) d) Dưới 20% số đơn vị (0)	1						
5.1.3	Mức độ thực hiện cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm được phê duyệt a) Trên 80% số phòng, ban, đơn vị trực thuộc thực hiện đúng cơ cấu công chức, viên chức được phê duyệt (1) b) Từ 70% - 80% số phòng, ban, đơn vị trực thuộc thực hiện đúng cơ cấu công chức, viên chức được phê duyệt (0.75) c) Từ 50% - dưới 70% số phòng, ban, đơn vị trực thuộc thực hiện đúng cơ cấu công chức, viên chức được phê duyệt (0.5) d) Dưới 50% số phòng, ban, đơn vị trực thuộc thực hiện đúng cơ cấu công chức, viên chức được phê duyệt (0)	1						
5.2	**Tuyển dụng và bố trí sử dụng công chức, viên chức**	**3**						
5.2.1	Tuyển dụng, bố trí và sử dụng công chức a) Đúng quy định (1) b) Không đúng quy định (0)	1						
5.2.2	Tỷ lệ đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc thực hiện đúng quy định về tuyển dụng viên chức a) Trên 80% số đơn vị (1)	1						

	b) Từ 70% - 80% số đơn vị (0.75) c) Từ 50% - dưới 70% số đơn vị (0.5) d) Dưới 50% số đơn vị (0)							
5.2.3	Tỷ lệ các đơn vị trực thuộc bố trí công chức, viên chức theo đúng quy định vị trí việc làm, ngạch công chức và chức danh nghề nghiệp a) Trên 80% số phòng, ban, đơn vị trực thuộc (1) b) Từ 70% - 80% số phòng, ban, đơn vị trực thuộc. (0.75) c) Từ 50% - dưới 70% số phòng, ban, đơn vị trực thuộc (0.5) d) Dưới 50% số phòng, ban, đơn vị trực thuộc (0)	1						
5.3	**Công tác đào tạo, bồi dưỡng**	**1.5**						
5.3.1	Ban hành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng hàng năm a) Ban hành kịp thời (0.5) b) Ban hành không kịp thời (0.25) c) Không ban hành (0)	0.5						
5.3.2	Mức độ thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng a) Thực hiện trên 80% kế hoạch (1) b) Thực hiện từ 70% - 80% kế hoạch (0.75) c) Thực hiện từ 50% - dưới 70% kế hoạch (0.5) d) Thực hiện dưới 50% kế hoạch (0)	1						
5.4	**Đổi mới công tác quản lý công chức, viên chức**	**2**						
5.4.1	Đánh giá công chức, viên chức trên cơ sở thực hiện nhiệm vụ được giao a) Có thực hiện (1) b) Không thực hiện (0)	1						
5.4.2	Thực hiện chính sách thu hút người có tài năng vào làm việc tại đơn vị a) Có thực hiện (1) b) Không thực hiện (0)	1						
5.5	**Chất lượng công chức, viên chức**	**4**						
5.5.1	Năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của công chức, viên chức	1						

	a) Trên 80% công chức, viên chức hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao (1) b) Từ 70% - 80% công chức, viên chức hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao (0.75) c) Từ 50% - dưới 70% công chức, viên chức hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao (0.5) d) Dưới 50% công chức, viên chức hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao (0)							
5.5.2	Tinh thần trách nhiệm đối với công việc của công chức, viên chức a) Trên 80% công chức, viên chức có tinh thần trách nhiệm cao đối với công việc (1) b) Từ 60% - 80% công chức, viên chức có tinh thần trách nhiệm cao đối với công việc (0.5) c) Dưới 60% công chức, viên chức có tinh thần trách nhiệm cao đối với công việc (0)	1						ĐT XHH
5.5.3	Thái độ phục vụ của công chức, viên chức a) Trên 80% công chức, viên chức có thái độ phục vụ tốt (1) b) Từ 60% - 80% công chức, viên chức có thái độ phục vụ tốt (0.5) c) Dưới 60% công chức, viên chức có thái độ phục vụ tốt (0)	1						ĐT XHH
5.5.4	Tình trạng lợi dụng chức vụ, quyền hạn để trục lợi cá nhân của công chức, viên chức a) Không có (1) b) Có (0)	1						ĐT XHH
6	**Đổi mới cơ chế tài chính đối với cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập.**	**10.5**						
6.1	**Thực hiện cơ chế tài chính tại cơ quan hành chính nhà nước theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP**	**3.5**						
6.1.1	Thực hiện cơ chế khoán biên chế và kinh phí hành chính theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP	1						

	a) Xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ và triển khai thực hiện; (1) b) Chưa triển khai thực hiện (0)							
6.1.2	Tác động của việc thực hiện cơ chế tại cơ quan hành chính	2.5						ĐT XHH
6.2	**Thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm tại đơn vị sự nghiệp công cập theo Nghị định 43/2006/NĐ-CP**	**3.5**						
6.2.1	Tỷ lệ số đơn vị sự nghiệp công lập triển khai thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm a) Trên 80% số đơn vị sự nghiệp (1) b) Từ 70% - 80% số đơn vị sự nghiệp (0.75) c) Từ 50% - dưới 70% số đơn vị sự nghiệp (0.5) d) Dưới 50% số đơn vị sự nghiệp (0)	1						
6.2.2	Tác động của việc thực hiện cơ chế tại các đơn vị sự nghiệp công lập	2.5						ĐT XHH
6.3	**Thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm tại các tổ chức khoa học và công nghệ công lập theo Nghị định 115/2005/NĐ-CP và Nghị định số 96/2010/NĐ-CP sửa đổi Nghị định số 115/2005/NĐ-CP**	**3.5**						
6.3.1	Tỷ lệ số tổ chức khoa học và công nghệ công lập triển khai cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm a) Trên 80% số tổ chức (1) b) Từ 70% - 80% số tổ chức (0.75) c) Từ 50% - dưới 70% số tổ chức (0.5) d) Dưới 50% số tổ chức (0)	1						
6.3.2	Tác động của việc thực hiện cơ chế tại tổ chức khoa học và công nghệ công lập	2.5						ĐT XHH
7	**Hiện đại hoá hành chính**	**13.5**						
7.1	**Ứng dụng công nghệ thông tin**	**6**						
7.1.1	Ban hành kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin (trong quý IV của năm liền trước năm kế hoạch). a) Ban hành kịp thời (1) b) Ban hành không kịp thời (0.5)	1						

	c) Không ban hành (0)							
7.1.2	Mức độ thực hiện kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin a) Thực hiện trên 80% kế hoạch (1) b) Thực hiện từ 70% - 80% kế hoạch (0.75) c) Thực hiện từ 50% - dưới 70% kế hoạch (0.5) d) Thực hiện dưới 50% kế hoạch (0)	1						
7.1.3	Triển khai áp dụng phần mềm quản lý văn bản và điều hành. a) Thường xuyên hàng ngày (1) b) Chưa thường xuyên (0)	1						
7.1.4	Sử dụng mạng nội bộ (mạng LAN) để trao đổi công việc a) Thường xuyên hàng ngày (1) b) Chưa thường xuyên (0)	1						
7.1.5	Mức độ sử dụng thư điện tử trong giải quyết công việc của công chức a) Thường xuyên hàng ngày (1) b) Chưa thường xuyên (0)	1						
7.1.6	Mức độ cung cấp dịch vụ công trực tuyến a) Tất cả dịch vụ công trực tuyến đều cung cấp ở mức độ 1, mức độ 2 (0.3) b) Có từ 10 dịch vụ công trực tuyến được cung cấp ở mức độ 3 (0.3) c) Có từ 2 dịch vụ công trực tuyến được cung cấp ở mức độ 4 (0.4)	1						
7.2	**Chất lượng cung cấp thông tin trên Trang thông tin điện tử**	**5**						
7.2.1	Xây dựng và duy trì trang thông tin điện tử ngành a) Có (2) (Địa chỉ website:.....) c) Không có (0)	2						
7.2.2	Tính kịp thời của thông tin về lĩnh vực quản lý a) Kịp thời (1)	1						ĐT XHH

	b) Chưa kịp thời (0)							
7.2.3	Tính đầy đủ của thông tin về lĩnh vực quản lý a) Đầy đủ (1) b) Chưa đầy đủ (0)	1						ĐT XHH
7.2.4	Mức độ thuận tiện trong truy cập, khai thác thông tin a) Thuận tiện (1) b) Chưa thuận tiện (0)	1						ĐT XHH
7.3	**Áp dụng Hệ thống chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2008**	**2.5**						
7.3.1	Ban hành danh mục các quy trình áp dụng tiêu chuẩn ISO a) Có ban hành (0.5) b) Không ban hành (0)	0.5						
7.3.2	Chứng chỉ chất lượng a) Được cấp chứng chỉ (1) b) Không được cấp chứng chỉ (0)	1						
7.3.3	Cơ quan thực hiện đúng quy định ISO trong hoạt động a) Thực hiện đúng (1) b) Chưa thực hiện đúng (0)	1						
	Tổng điểm đạt được	**100**						